

Bản án số: 20/2020/HNGĐ - ST.

Ngày: 26/8/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái - Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đăng

Bà Hoàng Thị Kim Liên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giáp - Thư ký TAND huyện P.

Đại diện VKSND huyện P tham gia phiên tòa: Ông Lưu Nguyên Vũ.

Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 226/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Dương Thị H, sinh năm 1991 (Có mặt) .

Trú tại: Xóm T, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Bị đơn:** Anh Dương Văn T, sinh năm 1990 (Có mặt) .

Trú tại: Xóm K, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Dương Thị N, sinh năm 1957 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm T, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Bà Dương Thị T, sinh năm 1949 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm K, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chị Dương Thị H, sinh năm 1977 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm N, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

4. Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1990 (Có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt).

Trú tại: Xóm K, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Chị Lê Thị L, sinh năm 1979 (Có đơn xin được xét xử vắng mặt).
Trú tại: Xóm K, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
6. Anh Nguyễn Khắc D, sinh năm 1969 (Có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt).
Trú tại: Xóm T, xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
7. Anh Dương Văn S, sinh năm 1984 (Có yêu cầu xin được xét xử vắng mặt).
Trú tại: Xóm S, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
8. ông Dương Văn T, sinh năm 1954 (Có mặt).
Trú tại: Xóm K, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.
9. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955 (Có mặt).
Trú tại: Xóm K, xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Chị Dương Thị H trình bày tại bản tự khai và tại phiên tòa: Chị với anh Dương Văn T kết hôn vào tháng 11/2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân P, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới chị về nhà anh T làm dâu, hai vợ chồng chị sống hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, anh T không quan tâm đến gia đình, thường xuyên quan hệ với người con gái khác, ham mê cờ bạc, lô đề, chị đã khuyên bảo nhưng anh T không nghe, mà thường xuyên đánh đập chị, và đuổi chị ra khỏi nhà. Do đó tháng 7/2018 chị đã phải bế con về nhà mẹ đẻ ở, và ly thân với anh T từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Dương T T, sinh ngày 11/11/2017. Chị xin được nuôi cháu Trà và yêu cầu anh T đóng tiền nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng. Cho đến khi cháu Trà tròn 18 tuổi

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có xây 01 ngôi nhà cấp 4, hai tầng trên đất của bố mẹ chồng là ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị L. Ngôi nhà này vợ chồng anh chị xây năm 2016 với giá tiền 800.000.000đ, trong quá trình xây dựng nhà, chị đã góp tiền xây nhà với anh T một khoản tiền là 315.000.000đ, chị đề nghị Tòa án xét xử nếu ai ở lại ngôi nhà này thì phải trích chia tiền cho người không được ở ½ giá trị ngôi nhà, còn tài sản là đồ dùng sinh hoạt thì chị không yêu cầu chia.

- Về nợ chung: Quá trình xây nhà, chị có vay của bà Dương Thị N; Trú tại: Xóm T, xã Xuân P, huyện P số tiền 40.000.000đ; vay của bà Dương Thị T; Trú tại: Xóm K, xã Xuân P, huyện P số tiền 30.000.000đ; vay của chị Dương Thị H; trú tại:

Xóm Ngoài, xã Xuân P, huyện P số tiền 30.000.000đ; vay Ngân hàng ShinhanBank Thái Nguyên 70.000.000đ. Những khoản nợ này chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả cùng với chị, vì các khoản nợ này đều góp vào tiền xây ngôi nhà của hai vợ chồng năm 2016. Còn nếu anh T không đồng ý trả nợ cùng chị, thì chị sẽ có trách nhiệm trả cho bà Nghết, bà Thủy, chị Hằng và Ngân hàng ShinhanBank Thái Nguyên.

2. Bị đơn là anh Dương Văn T khai: Anh xác định thời gian kết hôn và con chung đúng như Chị Dương Thị H khai. Lý do mâu thuẫn của hai vợ chồng anh chị xuất phát từ việc hai vợ chồng anh chị không đồng nhất quan điểm sống, ngoài ra chị H thường xuyên cãi nhau với mẹ chồng, anh đã khuyên bảo nhiều lần nhưng chị H không nghe nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 6/2018 thì chị H bế con về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay, hai vợ chồng anh chị cũng đã ly thân từ tháng 6/2018 và không quan tâm gì đến nhau nữa.

Nay chị H xin ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng anh không còn, nhất trí thuận tình ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh nhất trí để cho chị H nuôi con chung là cháu Dương T T, anh chỉ xin được đón con mỗi tuần một lần về nhà để đưa cháu đi chơi.

Anh cũng nhất trí đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H mỗi tháng là 1.000.000đ, đến khi cháu Trà tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không nợ ai.

3. Lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Dương Văn T (Bố đẻ anh T) khai: Tháng 10/2015 anh Dương Văn T với Chị Dương Thị H kết hôn, sau khi kết hôn thì anh T, chị H về sống cùng vợ chồng ông bà. Sau đó ông bà có xây nhà cho vợ chồng anh T, và đến đầu năm 2017 thì cho vợ chồng anh T ra ở riêng. Trong quá trình chung sống thì anh T, chị H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên đánh cãi chửi nhau, chị H lại có mâu thuẫn với vợ ông nên giữa các thành viên trong gia đình sống rất căng thẳng. Đến tháng 6/2018 thì chị H bế con bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay, nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T thì ông không có ý kiến gì, vì đây là quyết định của chị H với anh T. Còn chị H đòi anh T phải chia $\frac{1}{2}$ giá trị của ngôi nhà hai tầng xây năm 2016, thì ông không nhất trí. Vì ngôi nhà này là tiền của vợ chồng ông bà đưa cho anh T, để anh mua vật liệu xây dựng, thuê người đến xây ngôi nhà trên, và ngôi nhà này xây trên đất của vợ chồng ông bà, ông bà chưa tách đất cho anh T, chị H. Ông xác định chị H không có đóng góp gì vào việc xây ngôi nhà trên, nên không có liên quan gì đối với ngôi nhà này.

3.2. Bà Dương Thị L(Mẹ đẻ anh T) khai:Bà nhất trí với ý kiến của ông Dương Văn T chồng bà, bà không có ý kiến gì thêm.

3.3. Bà Dương Thị N (mẹ đẻ chị H) khai: Bà là mẹ đẻ của Chị Dương Thị H. Tháng 11/2015 chị H, với anh Dương Văn T kết hôn với nhau.Sau đó chị H về ở bố mẹ chồng.Đến tháng 9/2016 thì chị H với anh T xây nhà hai tầng trên đất của bố mẹ anh T cho. Quá trình chị H, anh T xây nhà, bà có cho anh chị vay 40.000.000đ, vì là mẹ con nên bà không yêu cầu chị H, anh T viết giấy vay tiền. Đến thời điểm này chị H, anh T vẫn chưa trả tiền cho bà. Nay chị H với anh T ly hôn, bà không yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền trên cho bà. Nếu sau này chị H làm ăn được thì bà sẽ đòi chị H bằng một vụ án dân sự khác, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

3.4. Chị Dương Thị H khai: Chị là chị gái ruột của Chị Dương Thị H. Tháng 11/2016 chị H, với anh Dương Văn T kết hôn với nhau. Sau đó chị H về ở bố mẹ chồng.Đến tháng 9/2016 thì chị H với anh T xây nhà hai tầng trên đất của bố mẹ anh Dương Văn T cho. Quá trình chị H, anh T xây nhà, chị có cho chị H, anh T vay 30.000.000đ, vì là chị em nên chị không yêu cầu chị H, anh T viết giấy vay tiền. Đến thời điểm này chị H, anh T vẫn chưa trả tiền cho chị.Nay chị H với anh T ly hôn, chị không yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền trên cho chị. Nếu sau này chị H làm ăn được thì chị sẽ đòi chị H bằng một vụ án dân sự khác, chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

3.5. Bà Dương Thị T khai: Bà là bác ruột của Chị Dương Thị H. Tháng tháng 9/2016, chị H với anh T xây nhà hai tầng trên đất của bố mẹ anh Dương Văn T cho. Quá trình chị H, anh T xây nhà, bà có cho chị H, vay 30.000.000đ, vì là bác cháu nên bà không yêu cầu chị H, anh T viết giấy vay tiền. Đến thời điểm này chị H, anh T vẫn chưa trả tiền cho bà. Nay chị H với anh T ly hôn, bà không yêu cầu anh T, chị H phải trả số tiền trên cho bà. Nếu sau này chị H làm ăn được thì bà sẽ đòi chị H bằng một vụ án dân sự khác, bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

3.6. Anh Nguyễn Ngọc H khai: Anh với vợ chồng anh Dương Văn T, Chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết vì ở gần nhà nhau. Tháng 4/2017, anh T có gọi điện cho anh vào làm mái chống nóng của gia đình anh T, chị H. Khi vào làm thì có ông T là bố đẻ của anh T đứng ra trông công trình, đến khi làm xong anh với anh T quyết T, thì toàn bộ mái chống nóng nhà anh T, chị H hết hơn 20.000.000đ. Số tiền này anh T trả cho anh khoảng 15.000.000đ, còn ông T trả cho anh số còn lại.Đến nay anh T, chị H không còn nợ anh.Nay anh T chị H ly hôn, anh không còn liên quan gì đến việc công nợ, nên anh đề nghị Toà án không báo gọi anh đến tham dự phiên toà vì anh cũng rất bận công việc. Anh đề nghị Toà án xét xử vắng mặt đối với anh.

3.7. Anh Nguyễn Khắc D khai: Anh với vợ chồng anh Dương Văn T , Chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết vì ở gần nhà nhau. Khoảng tháng 6/2016, anh T có gọi điện cho anh vào xây dựng ngôi nhà hai tầng của gia đình anh T, chị H. Khi vào làm thì có làm hợp đồng miệng với ông T là bố đẻ của anh T. Trong quá trình xây dựng, anh có nhận tiền công do anh T trực tiếp trả. Hiện nay anh T, chị H mới trả cho anh được 90.000.000đ, còn nợ lại anh 50.000.000đ, nay anh T chị H ly hôn thì anh sẽ đòi anh chị bằng một vụ án dân sự khác, chứ không đòi tiền anh T, chị H trong vụ án ly hôn này. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

3.8. Anh Dương Văn S khai: Anh với vợ chồng anh Dương Văn T , Chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết, nên anh có đến nhà anh T đặt vấn đề sơn nhà cho anh chị. Khoảng đầu năm 2017, anh bắt đầu tiến hành sơn nhà cho anh T, khi sơn không làm hợp đồng, số tiền sơn nhà cho anh chị hết khoảng hơn 40.000.000đ. Anh nhận tiền sơn nhà trực tiếp từ anh T, chị H, không nhận tiền từ bất cứ ai. Việc anh T nói bố mẹ anh ấy làm hợp đồng sơn nhà với anh là không đúng. Hiện nay anh T, chị H vẫn còn nợ anh khoảng hơn 8.000.000đ, nhưng anh không đòi anh T, chị H trong vụ án này, khi nào anh T, chị H không trả anh nữa, thì anh mới làm đơn khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Do công việc của anh rất bận nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

3.9. Chị Lê Thị L khai: Chị với vợ chồng anh Dương Văn T, Chị Dương Thị H có mối quan hệ quen biết vì ở gần nhà nhau. Khoảng tháng 9/2016, chị H, anh T có ra cửa hàng vật liệu xây dựng của nhà chị mua sắt, thép, xi măng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh cho công trình nhà của anh chị. Quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà, người lấy vật liệu xây dựng là anh T, chị đã cung cấp vật liệu xây dựng cho công trình nhà của anh T, chị H khoảng 200.000.000đ, số tiền này là anh T, chị H trả cho chị, không có ai đứng ra trả thay cho anh T, chị H. Đến nay anh T, chị H còn nợ chị khoảng 16.000.000đ. Nay anh T, chị H ly hôn thì chị không đòi số tiền này trong vụ án ly hôn, vì chưa tìm được các hóa đơn, chứng từ bán vật liệu xây dựng cho anh T, chị H nên chưa quyết T cụ thể được. Khi nào tìm được hết các chứng từ để quyết T, nếu anh chị không trả tiền cho chị, thì chị sẽ khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

Toà án đã tiến hành hoà giải, nhưng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết phần tài sản chung, đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung của vụ án. Nên phải đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu quan điểm đối với vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; thư ký tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Thẩm phán giải quyết vụ án đã tiến hành giao các Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai việc giao nộp, tiếp cận công khai tài liệu, chứng cứ và tiến hành phiên hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với các bên đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện Kiểm sát nhân dân huyện P:

- Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T.

- Về con chung: Giao cháu Dương T T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T phải có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị H là 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu Trà tròn 18 tuổi

- Về tài sản chung: Giao ngôi nhà cấp 4, hai tầng của anh T, chị H xây dựng năm 2016 cho anh T quản lý sử dụng, anh T phải có trách nhiệm trích chia cho chị H số tiền là 301.536.079đ và 2.500.000đ tiền chi phí tố tụng. Tổng cộng là 304.036.079đ.

- Án phí: Chị H phải chịu tiền án phí LHST và tiền án phí DSST về việc chia tài sản chung; anh T phải chịu tiền án phí DSST về việc chi tài sản chung và tiền án phí DSST về việc đóng góp tiền nuôi con chung.

Sau nghe các đương sự trình bày tại phiên tòa, sau khi quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, nghe các đương sự khai tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đều sinh sống tại huyện P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Dương Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị H xin ly hôn với anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T có mối quan hệ với người đàn bà khác, chơi bời lêu đẽ, cờ bạc. Nên hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, đánh cãi chửi nhau khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 11/2017 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H với anh T đã diễn ra trong một thời gian dài, không thể hòa hợp và hàn gắn được. Như vậy, mâu thuẫn của hai vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh T là phù hợp với thực tế.

[2.2]. Về con chung: Chị H với anh T có 01 con chung là Dương T T, sinh ngày 11/11/2017. Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Trà, và yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị cho đến khi cháu Trà tròn 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy hiện nay cháu Trà tuổi còn rất nhỏ, nên cần sự chăm sóc của mẹ, nên giao cháu Dương T T cho chị H nuôi dưỡng. Anh T phải có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị H là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Trà tròn 18 tuổi.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung:

- Về tài sản chung: Quá trình giải quyết tại Tòa án chị H xác định ngôi nhà cấp 4, hai tầng xây vào năm 2016 là của vợ chồng chị bỏ tiền ra xây, còn đất là của bố mẹ anh T đã tuyên bố cho vợ chồng chị, nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho vợ chồng anh T, chị H. Phía anh T xác định ngôi nhà này là của bố mẹ anh bỏ tiền ra xây cho vợ chồng anh, anh chị mới kết hôn thì không có tiền để xây dựng ngôi nhà này, do đó không đồng ý chia tài sản cho chị H. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh đối với những người cung cấp vật liệu xây dựng, người xây nhà, người sơn nhà, người làm mái chống nóng... đều xác định quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà, đều nhận tiền công, tiền mua vật liệu xây dựng từ anh T, chị H, không nhận tiền từ bố mẹ anh T là ông T, bà L. Do đó Hội đồng xét xử xác định ngôi nhà cấp bốn, hai tầng xây năm 2016 là tài sản chung của anh T, chị H, nên cần phải chia tài sản chung là ngôi nhà này mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị.

Tại phiên tòa ông T, bà L xác định ngôi nhà cấp 4, hai tầng xây năm 2016 là do tiền của ông bà đưa cho anh T mua vật liệu xây dựng, trả tiền công thợ khi xây dựng và hoàn thiện ngôi nhà. Tuy nhiên quá trình điều tra, và tại phiên tòa ngày hôm nay ông T, bà L không đưa ra được chứng cứ nào xác định ông bà đã đưa tiền

cho anh T để xây ngôi nhà trên nên Hội đồng xét xử bác ý kiến này của ông T, bà L về việc đưa tiền cho anh T xây dựng ngôi nhà nêu trên.

Tòa án đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản là ngôi nhà cấp 4, hai tầng có diện tích 95,03m², xây dựng năm 2017, lợp tôn chống nóng có hàng rào xây bao quanh tại Xóm K, xã Xuân P, huyện P mà anh T, chị H đang có tranh chấp. Tại biên bản định giá ngày 03/7/2020, do Hội đồng định giá tài sản huyện P đã quyết định giá trị còn lại của ngôi nhà là 603.072.158đ (Sáu trăm linh ba triệu, không trăm bảy mươi hai ngàn, một trăm năm mươi tám đồng). Tại phiên tòa, chị H đề nghị giao ngôi nhà này cho anh T quản lý, sử dụng, chị yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trích chia cho chị ½ ngôi nhà, được tính bằng tiền. Hội đồng xét xử thấy đề nghị này là hợp lý nên chấp nhận ý kiến này của chị H. Giao ngôi nhà cấp 4, hai tầng xây trên thửa đất số 443, 316, tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã Xuân P, huyện P (Đất vẫn thuộc quyền quản lý của ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị L) cho anh T quản lý, sử dụng. Anh T phải có trách nhiệm trích chia cho chị H ½ giá trị ngôi nhà bằng tiền là 301.536.079đ (Ba trăm linh một triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm bảy chín đồng).

- Về phần nợ: Quá trình giải quyết tại Tòa án, chị H có khai khi vợ chồng chị xây nhà, có vay của bà Dương Thị N 40.000.000đ, vay của bà Dương Thị T 30.000.000đ, vay của chị Dương Thị H 30.000.000đ. Tuy nhiên tại biên bản làm việc ngày 15/7/2020 thì bà Nghét, bà Thủy, chị Hằng đã có ý kiến không đòi nợ đối với chị H nữa. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nên chấp nhận sự tự nguyện này của họ, không giải quyết phần nợ trong vụ án này.

- Đối với những người cung cấp vật liệu xây dựng, công thợ xây dựng, và sơn nhà cho anh T, chị H gồm: Chị Lê Thị L, anh Nguyễn Khắc D, anh Dương Văn S xác định anh T, chị H còn nợ các anh chị tiền vật liệu xây dựng, tiền công thợ và tiền sơn nhà. Nhưng hiện nay vẫn chưa thu thập được giấy tờ hóa đơn nên chị Linh, anh Dũng, anh Sáu đều xác định không đòi tiền nợ đối với anh T, chị H trong vụ án này. Khi nào cần thiết thì các anh chị sẽ làm đơn khởi kiện anh T, chị H bằng một vụ án dân sự khác. Hội đồng xét xử thấy đây là sự tự nguyện của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nên chấp nhận sự tự nguyện này của họ.

[2.5]. Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H đã nộp 5.000.000đ để Tòa án chi phí cho việc thẩm định và định giá tài sản, tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H yêu cầu anh T phải chịu ½ khoản tiền trên. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị là có căn cứ chấp nhận nên buộc anh T phải trả cho chị H 2.500.000đ.

[2.6]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí DSST về việc chia tài sản; anh T phải nộp án phí DSST về việc chia tài sản và tiền cấp dưỡng nuôi con chung nộp vào ngân sách nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468 của BLDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của Chị Dương Thị H, cho chị H được ly hôn anh Dương Văn T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Dương Thị H trực tiếp nuôi cháu Dương T T, sinh ngày 11/11/2017. Buộc anh Dương Văn T phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H để nuôi cháu Dương T T mỗi tháng là 2.000.000đ, cho đến khi cháu Trà tròn 18 tuổi. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

3. Về tài sản chung: Giao cho anh T quản lý sử dụng ngôi nhà cấp 4, hai tầng, diện tích 95,03m² xây trên thửa đất số 443, 316 tờ bản đồ số 04, bản đồ địa chính xã Xuân P, huyện P (Đất vẫn thuộc quyền quản lý của ông Dương Văn T, bà Nguyễn Thị L).

- Anh T phải có trách nhiệm trích chia cho chị H ½ giá trị ngôi nhà bằng tiền là 301.536.079đ (Ba trăm linh một triệu, năm trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm bảy chín đồng) và 2.500.000đ tiền chi phí tố tụng. Tổng cộng là 304.036.079đ.

- Giao cho chị H quản lý, sử dụng số tiền 304.036.079đ (Ba trăm linh bốn triệu, không trăm ba mươi sáu ngàn, không trăm bảy chín đồng) do anh T trích chia tài sản chung và tiền chi phí tố tụng.

- Về phần nợ: Không giải quyết trong vụ án này.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T không tự nguyện thi hành số tiền phải trích chia từ tài sản chung và tiền đóng góp cho chị H để nuôi con chung, thì lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của BLDS; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ Luật dân sự.

5. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 15.076.804 nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000946 ngày 05/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Chị H còn phải nộp tiếp số tiền án phí DSST là 5.076.804đ; Anh T phải nộp 15.501.804đ án phí DSST về việc chia tài sản và tiền án phí DSST về việc phải cấp dưỡng nuôi con chung vào ngân sách nhà nước.

Án xét xử sơ thẩm có mặt anh T, chị H, ông T, bà L; Vắng mặt đối với bà Nghét, bà Thủy, chị Hằng, chị Linh, anh Sáu, anh Hùng, anh Hiếu. Báo cho biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án đối với những người có mặt; Trong hạn 15 ngày kể từ ngày ngừng người vắng mặt nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND địa phương là nơi cư trú cuối cùng của những người vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện P;
- THADS huyện P;
- UBND xã Xuân P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Quang Thái

Phú Bình, ngày 28 tháng 02 năm 2020

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH THÁI NGUYÊN

Víi Húi Ờảg xĐt xõ s- thỀm gảm cấ:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Thái – Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng thị Kim Liên
2. Ông Cáp Trọng Hùng.

Căn cơ vựo §iỜu 264 Bộ LuỀt Tề tồg dân sự.

Ngày 28 /02/2020 t¹i phẫg nghĐ ậ, Húi Ờảg xĐt xõ s- thỀm Ờ· tiỜn hụnh nghĐ ậ Ờềi víi vồ ậ Ly hôngi÷a:

- **Nguyên đơn:** Chị Vì Thị Hiền, sinh n^{ăm} 1993.

Tró t¹i: Tổ 12, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Viết Đô, sinh n^{ăm} 1991.

Tró t¹i: Xóm Sỏi, xã Hà Châu, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cơ vựo c, c chớg cơ vự tụi liỜu Ờ· Ờuíc thỀm tra t¹i phi^{an} tồp, tr^{an} c- sề xem xĐt Ờợy Ờñ tồp diỜn c, c chớg cơ, ý kiỜn cấ Kióm s, t vi^{an}, nh÷ng ngưêi tham gia tề tồg kh, c t¹i phi^{an} tồp; Húi Ờảg xĐt xõ thầo luỀn vồ nh÷ng vỀn Ờồ phầi giầi quyỐt trong vồ ậ dân sù như sau:

I. Áp dồg ỜiỜu luỀt: KỐt quầ biỚu quyỐt: 3/3 (100%).

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147 của Bộ luật tổ tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

II. Các vấn đề khác:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị Hiền, cho chị Hiền được ly hôn anh Nguyễn Viết Đô.

2. Về con chung: Giao cho chị Vì Thị Hiền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Viết Ngọc Anh, sinh ngày 06/7/2013; giao cho anh Nguyễn Viết Đô trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Viết Quân, sinh ngày 01/02/2011. Chị Hiền, anh Đô không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

- Vì lợi ích của các con, chị Hiền, anh Đô được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, khoản vay và cho vay: Không có.

4. Về án phí: Chị Hiền phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001016 ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Nghị án kết thúc hồi giờ ngày 16 tháng 01 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Cấp Trọng Hùng Hoàng Thị Kim Liên Phạm Quang Thái

TRÍCH LỤC ÁN HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

Tại bản án ly hôn sơ thẩm số 05/LHST ngày 28/02/2020. Tòa án nhân dân huyện P ra quyết định ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Vì Thị Hiền, sinh năm 1993.

Trú tại: Tổ dân phố 12, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Viết Đô, sinh năm 1991.

Trú tại: Xóm Sỏi, xã Hà Châu, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Vì Thị Hiền:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị Hiền, cho chị Hiền được ly hôn anh Nguyễn Viết Đô.

2. Về con chung: Giao cho chị Vì Thị Hiền trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Viết Ngọc Anh, sinh ngày 06/7/2013; giao cho anh Nguyễn Viết Đô trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Viết Quân, sinh ngày 01/02/2011. Chị Hiền, anh Đô không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm.

- Vì lợi ích của các con, chị Hiền, anh Đô được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về tài sản chung, khoản vay và cho vay: Không có.

4. Về án phí: Chị Hiền phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001016 ngày 13/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật

Ngày 15 tháng 5 năm 2020

Cấp cho chị Vì Thị Hiền để sử dụng cá nhân

PHÓ CHÁNH ÁN

Phạm Quang Thái